TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/LĐ-ST
Ngày: 28 – 02 – 2025
V/v "Vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Lin;
2. Bà Trần Thị Đổi.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 273/2024/TLST – LĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc *"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Neàng M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chau Chanh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH M1; Địa chỉ trụ sở: Cụm C Long An, ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Vân Anh C – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Hoàng N1 – Trợ lý Giám đốc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Neàng T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (xin vắng mặt)

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L; Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2024, nguyên đơn bà Neàng M do ông Chau Chanh N đại diện trình bày:

Từ tháng 4/2011 cho tháng 01/2012, bà Neàng M làm việc tại Công ty TNHH T1, bà có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8011008445.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Neàng T có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên bà M cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân để bà T đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 trong khoảng thời gian vào tháng 4/2011. Khi bà T mang tên bà M làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 thì bà T cũng tham gia bảo hiểm mang tên Neàng M với sổ bảo hiểm xã hội số 8011011400.

Việc bà M cho bà T mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 không phải do bản thân bà M thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội số 8011008445 và số 8011011400 cùng mang tên là Neàng M nên bà M không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa Neàng M (do bà Neàng T làm việc) với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 vào tháng 4/2011;

2/ Điều chỉnh tên Neàng M trên sổ bảo hiểm xã hội số 8011011400 vào tháng 4/2011 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 thành tên Neàng T.

Tại phiên tòa, bà Neàng M có đơn xin thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa Neàng M (do bà Neàng T làm việc) với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 vào tháng 4/2011 và xử lý hậu quả của hợp đồng bị vô hiệu.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 do ông Phan Hoàng N1 đại diện theo ủy quyền có văn bản trình bày ý kiến: Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 đồng ý vô hiệu hợp đồng với bà Neàng M được giao kết từ tháng 4/2011 nhưng không thể cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Công ty TNHH M1 không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neàng T có văn bản trình bày: Bà xác định có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Neàng M để vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 vào tháng 4/2011 và có tham gia bảo hiểm xã hội. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M và đề nghị giải quyết vụ án theo qui định pháp luật. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 có tham gia bảo hiểm cho bà Neàng M vào tháng 4/2011 với sổ bảo hiểm số 8011011400, bà M chưa hưởng chế độ BHXH 01 lần và chưa hưởng BHTN.

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc và tham gia BHXH, BHTN và BHYT, thực hiện công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1, căn cứ vào bản án đã có hiệu lực của Tòa án, BHXH tỉnh L thực hiện theo nội dung Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Neàng M với Công ty TNHH M1 (người tham gia lao động thực tế là bà Neàng T) vào tháng 4 năm 2011 là vô hiệu. Tại thời điểm bà Neàng T lao động tại Công ty TNHH M1 chưa đủ 15 tuổi nên bà Neàng T được quyền liên hệ Cơ quan Bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định đối với khoảng thời gian này. Từ các căn cứ và phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N2 Maonêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 có trụ sở tại xã M, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Neàng M là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Neàng T

và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Neàng M khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà M có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Neàng M có nộp Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội với sổ BHXH số 8011008445 và số 8011011400.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và xét xử vụ án trong phạm vi đương sự yêu cầu.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Neàng M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa bà Neàng M nhưng do bà Neàng T là người trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Neàng M không cung cấp được hợp đồng lao động do bị thất lạc. Căn cứ vào văn bản của Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 có tham gia bảo hiểm cho bà Neàng M vào tháng 4 năm 2011 với sổ bảo hiểm số 8011011400 nên có căn cứ xác định giữa bà Neàng M với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng vào tháng 4 năm 2011.

[2.2]. Xét thấy, bà Neàng M có cho bà Neàng T mượn chứng minh nhân dân mang tên Neàng M để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội vào tháng 4 năm 2011 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 theo sổ BHXH số 8011011400. Tuy nhiên, thời điểm bà T làm việc trực tiếp tại công ty TNHH M1 là chưa đủ 15 tuổi. Trong khi đó bà Neàng M cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH T1, bà M có tham gia bảo hiểm với sổ bảo hiểm xã hội số 8011008445.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian vào tháng 4 năm 2011 thì người mang tên Neàng M cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn T1.

Do đó, việc bà Neàng T tham gia trực tiếp lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 nhưng lại ký hợp đồng lao động với tên người lao động là Neàng M là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Neàng M với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Neàng M là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu và tại thời điểm bà T làm việc trực tiếp tại công ty TNHH M1 là chưa đủ 15 tuổi nên bà T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định với khoảng thời gian này trên Sổ bảo hiểm xã hội số 8011011400.

[3]. Bà Neàng T, Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 không có tranh chấp gì trong vụ án nên không đề cập xem xét.

[4]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5].Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Neàng M tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 184, Điều 186, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15; Điều 18, Điều 21, Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neàng M về việc: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng M (do bà Neàng T là người trực tiếp lao động) với Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 vào tháng 4 năm 2011;

11.2 Bà Neàng T được quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để được hoàn trả các chế độ theo quy định với khoảng thời gian mà bà T chưa đủ 15 tuổi.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Neàng M tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004072 ngày 12/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà M đã nộp đủ tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Vụ

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí L – Trần Thị Đổi Nguyễn Hữu Q